

HỢP TÁC XÃ TRÀ SHAN TUYẾT BÌNH HÒ

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

SỐ: 02/HTXTSTPH/2026

Tên sản phẩm: Lục trà - Di sản

Hồ sơ gồm có:

Bản tự công bố sản phẩm

Mẫu nhãn sản phẩm dự kiến

Phiếu kết quả kiểm nghiệm

NỘI DUNG GHI NHÃN SẢN PHẨM

Tên sản phẩm: Lục trà – Di sản

Thành phần: 100% búp chè Shan tuyết

Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

- Hướng dẫn sử dụng:

Bước 1: Đánh thức trà cụ

Sử dụng nước sôi tráng ấm/ chén trà

Bước 2: Hãm trà

Sử dụng 1 gói trà cho một ấm, thêm 200ml nước sôi 85-90 độ hãm trong 30-60s

Bước 3: Thưởng thức

-Bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát tránh ánh nắng trực tiếp

Thông tin cảnh báo an toàn:

Không sử dụng sản phẩm hết hạn sử dụng, sản phẩm có màu, mùi lạ

Thời hạn sử dụng: in trên bao bì sản phẩm.

Ngày sản xuất: in trên bao bì sản phẩm.

Khối lượng tịnh: 99g

Sản xuất tại: HỢP TÁC XÃ TRÀ SHAN TUYẾT PHÌNH HỒ

Địa chỉ: Thôn Tà Chử, Xã Phình Hồ, Tỉnh Lào Cai

Xuất xứ: Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 02/HTXTSTPH/2026

I. Thông tin về thương nhân tự công bố sản phẩm:

Thương nhân: **HỢP TÁC XÃ TRÀ SHAN TUYẾT PHÌNH HỒ**

Địa chỉ: Thôn Tà Chử, Xã Phình Hồ, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

Điện thoại: 0385995988

Mã số doanh nghiệp: 5200939702

Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP theo TCVN 5603:2023 (CAC/RCP 1-1969, Rev.2022-HACCP) Số VCA.1846.4A

Ngày cấp: 27/6/2025

Nơi cấp: Công ty cổ phần chứng nhận VCA

II. Thông tin sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: Lục trà – Di sản

2. Thành phần: 100% búp chè Shan tuyết

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Hạn sử dụng ghi tại bao bì của sản phẩm.

- Ngày sản xuất: Xem trên bao bì sản phẩm.

- Cách ghi ngày sản xuất và hạn sử dụng: Tháng/năm (MM/YYYY)

4. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói:

- Chất liệu bao bì: Túi giấy kraft ghép màng MCPP bao bì bên ngoài hộp giấy. Có ghi thông tin nhãn đầy đủ. Bao bì sạch đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

- Quy cách đóng gói: 9g/ túi, 99g/hộp. Quy cách đóng gói có thể thay đổi tùy theo nhu cầu thị trường và được ghi rõ trên nhãn sản phẩm.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: (Trường hợp thuê cơ sở sản xuất)

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (có mẫu nhãn dự thảo đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm
- Thông tư 50/2016/TT-BYT Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm
- Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa;
- Nghị định số 111/2021/NĐ-CP Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa;

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Lào Cai, ngày 1 tháng 1 năm 2026

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

(Ký tên & đóng dấu)



CHỦ TỊCH HĐQT-GIÁM ĐỐC
Đỗ Tuấn Lương

HỢP TÁC XÁ TRÀ SHAN TUYẾT BÌNH HỒ

Thôn Tà Chứ, Xã Bình Hồ, Tỉnh Lào Cai

BẢNG THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ TIÊU CHUẨN NHÀ SẢN XUẤT

ÁP DỤNG CHO SẢN PHẨM: Lục trà – Di sản

Số tự công bố: 02/HTXTSTPH/2026

1. Hàm lượng kim loại nặng

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Asen (As)	mg/l	1
2	Cadimi (Cd)	mg/l	1
3	Chì (Pb)	mg/l	2
4	Thủy ngân (Hg)	mg/l	0.05

2. Chỉ tiêu dư lượng có trong sản phẩm

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Bifenthrin	Mg/kg	30
2	Chlorpyrifos	Mg/kg	2
3	Clothianidin	Mg/kg	0.7
4	Cypermethrins	Mg/kg	15
5	Dichlorvos	Mg/kg	40
6	Deltamethrin	Mg/kg	10
7	Etoxazole	Mg/kg	15
8	Fenpropathrin	Mg/kg	3
9	Flubendiamide	Mg/kg	50
10	Flufenoxuron	Mg/kg	20
11	Hexythiazox	Mg/kg	15
12	Indoxacarb	Mg/kg	5
13	Buprofezin	Mg/kg	30
14	Methidation	Mg/kg	0.5

15	Tolfenpyrad	Mg/kg	30
16	Paraquat	Mg/kg	0.2
17	Permethrin	Mg/kg	20
18	Profenofos	Mg/kg	0.5
19	Propargite	Mg/kg	5
20	Thiamethoxam	Mg/kg	20
21	Dicofol	Mg/kg	40

Lào Cai, Ngày 1 tháng 1 năm 2025

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên)



CHỦ TỊCH HĐQT-GIÁM ĐỐC

Đỗ Tuấn Lương

Số/ No.: VLAB0-251202-039/1

Ngày phát hành/ Issue date : 23/12/2025
Trang/ Page : 1/4

Tên khách hàng⁽¹⁾/ Company: **HỢP TÁC XÃ TRÀ SHAN TUYẾT PHÌNH HỒ**
Địa chỉ⁽¹⁾/ Address: **Thôn Tà Chừ, xã Phình Hồ, tỉnh Lào Cai, Việt Nam**
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: **02/12/2025**
Ngày thực hiện/ Date(s) of testing: **02/12/2025 đến 23/12/2025**
Tên mẫu⁽¹⁾/ Sample Name: **Lục trà - di sản**
Tình trạng mẫu/ State of sample: **Mẫu đựng trong túi zip**

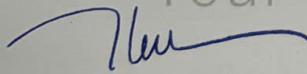
KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULTS

[Xem trang kế/ See next page (s)]

Ghi chú/ Notes:

- (1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ Information provided by client.
- (a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Item(s) are accredited to ISO/IEC 17025:2017.
 - (b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Bảo vệ thực vật/ Appointed item(s) by Department of Plant Protection.
 - (c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục chăn nuôi/ Appointed item(s) by Department of Livestock Production.
 - (d) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn/ Appointed item(s) by Ministry of Agriculture & Rural Development.
 - (e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ Appointed item(s) by Ministry of Industry & Trade.
- (s) Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by the subcontractor.
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận được tại phòng thí nghiệm/ Test result(s) are valid only on submitted sample(s).
 - LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of quantification.
 - KPH/ ND: Không phát hiện/ Not detected.
 - Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.
 - Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ Test Report is an unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.

PHỤ TRÁCH PHÒNG THÍ NGHIỆM
OFFICER IN CHARGE OF LABORATORY



Nguyễn Ngọc Hân



Nguyễn Quốc Toàn

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Trường Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/ Testing Center:
Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Trường Ward, HCM City
Cần Thơ: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Bình Ward, Can Tho City
Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province



Số No. CÔNG LABO-251202-039/1

Ngày phát hành/ Issue date : 23/12/2025
Trang/ Page : 2/4

Kết quả result

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOQ	Phương pháp phân tích Test method
1.	Hàm lượng Cadimi (Cd)/Cadmium (Cd) content	KPH/ND	mg/kg	0,015	AOAC 2015.01(a)
2.	Hàm lượng Chì (Pb)/Lead (Pb) content	KPH/ND	mg/kg	0,05	AOAC 2015.01(a)
3.	Hàm lượng Asen (As)/Arsenic (As) content	KPH/ND	mg/kg	0,03	AOAC 2015.01(a)
4.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)/Mercury (Hg) content	KPH/ND	mg/kg	0,02	AOAC 2015.01(a)
5.	Chlorpyrifos	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614(a)
6.	Permethrin	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614(a)
7.	Deltamethrin	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614(a)
8.	Fenprothrin	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614(a)
9.	Methidathion	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614(a)
10.	Bifenthrin	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614(a)
11.	Profenofos	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614(a)
12.	Cypermethrin	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614(a)
13.	o, p'-Dicofol	KPH/ND	mg/kg	0,01	VLAB-CH-TP-614(a)

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Trường Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Trường Ward, HCM City
Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Bình Ward, Can Tho City
Bac Lieu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No: VLAB0-251202-039/1

Ngày phát hành/ Issue date : 23/12/2025
Trang/ Page : 4/4

testing method. Most Probable Number (MPN) technique, if there were no suspected reactions after required incubation period, the result is negative and reported as 0 MPN/g or 0 MPN/mL.

[Kết thúc báo cáo/ End of report]



VietLabs
Your Trusted Partner

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Ho Chi Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City
Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bac Lieu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province